

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ - ST

Ngày 15 tháng 7 năm 2024

“ V/v ly hôn, con chung ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HUNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá H

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang C

Bà Dương Thị Thu H

Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Dương Mạnh H – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ

Văn T - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/DSST - QĐXX ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị, sinh năm 1989 (có mặt)

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1985 (có mặt)

Đều có HKTT: Mão Cầu, Hồ Tùng Mậu, An Thi, Hưng Yên

Nơi ở hiện nay: La Chàng, Cẩm Ninh, An Thi, Hưng Yên

Người có QLNVLQ: Cháu Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010 và cháu Trương Khánh N, sinh năm 2015

Người đại diện hợp pháp cho cháu L: Anh H

Người đại diện hợp pháp cho cháu N: Chị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 của chị và các lời khai của chị, anh H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị và anh Trương Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Tùng Mậu, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2009. Sau kết hôn vợ chồng chị, anh H về sinh sống cùng gia đình anh H ở xã Hồ Tùng Mậu, trong cuộc sống vợ chồng cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị trình bày: Thời gian vợ chồng sống cùng bố mẹ anh H thì mâu thuẫn giữa chị với bố mẹ anh H cũng căng thẳng, bản thân anh H không can thiệp, không đứng ra bảo vệ chị, dù đúng hay sai đều do lỗi của chị, bản thân anh H rất gia trưởng, có nhiều lời nói, hành động không đúng mực đối với chị, không tôn trọng và không coi chị là vợ, trước mặt khách hàng anh H sẵn sàng chửi, đánh. Việc anh H trình bày vào tháng 12/2023 khi cho rằng chị ngoại tình

là hoàn toàn không đúng sự thật, bản thân chị cũng thẳng thắn nói chuyện, nói rõ quan điểm của mình nhưng anh H không hiểu, không chịu tin tưởng chị, vợ chồng sống cùng nhau nhưng chẳng ai hiểu ai, tình cảm không còn, sinh hoạt vợ chồng cũng không còn. Chị xác định không còn tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được L hôn anh H. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo như anh H trình bày: Trong cuộc sống vợ chồng cũng hoà thuận, không có mâu thuẫn gì phát sinh, mâu thuẫn chỉ phát sinh vào tháng 12/2023 khi anh H phát hiện chị ngoại tình với anh Phạm Văn Định – Phó công an xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Sau sự việc anh H cũng trao đổi, nói chuyện với chị và bỏ qua vì vẫn còn tình cảm và thương các con, bản thân chị cũng thay đổi thái độ rất nhiều, vợ chồng cũng rất ít nói chuyện trực tiếp với nhau, vợ chồng chỉ nhắn tin qua điện thoại và chị trả lời rất cộc lốc, vấn đề sinh hoạt vợ chồng cũng thưa thớt và nếu có thì cũng chỉ là nghĩa vụ, bản thân anh H cũng tìm nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm nhưng chị vẫn giữ thái độ L hôn. Anh H xác định vẫn còn tình cảm, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không nhất trí L hôn với chị.

Về con chung: Anh H và chị có 02 con chung tên Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010 và Trương Khánh N, sinh năm 2015. Anh H, chị đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quan điểm gia đình chị trình bày: Việc kết hôn giữa anh H và chị là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, khoảng gần một năm gần đây thì mâu thuẫn vợ chồng anh H trầm trọng hơn, nguyên nhân do anh H ghen tuông, nghi ngờ chị ngoại tình, gia đình cũng đã gặp gỡ để trao đổi, nói chuyện với anh H cũng như chị để hàn gắn tình cảm nhưng không có thay đổi gì, vợ chồng có nhiều va chạm, tình cảm lạnh nhạt, hiện nay chị và các con đã về ở cùng gia đình, anh H cũng không qua gia đình để thăm vợ cũng như các con, không có trách nhiệm, gia đình có quan điểm đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được L hôn anh H để ổn định cuộc sống. Anh H, chị có 02 con chung tên Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010 và Trương Khánh N, sinh năm 2015, nguyện vọng của gia đình mong muốn được cùng chị nuôi dạy cả hai con chung. Vợ chồng anh H, chị có những tài sản gì chung gia đình không biết.

Quan điểm gia đình anh H trình bày: Việc kết hôn giữa anh H và chị là tự nguyện, vợ chồng anh H chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 11/2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị không chung thủy, vợ chồng khực khặc, gia đình cũng động viên anh H rất nhiều còn chị không về nhà nên gia đình chưa nói chuyện được, bố mẹ chị cũng không qua gia đình để nói chuyện, xin lỗi. Sau khi sự việc xảy ra, bố mẹ chị đã đón chị và các cháu về ở cùng, không ở cùng anh H. Quan điểm của gia đình đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh H, chị có 02 con chung tên Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010 và Trương Khánh N, sinh năm 2015. Vợ chồng anh H, chị có những tài sản gì chung gia đình không biết.

Quan điểm của cháu N trình bày: Anh H, chị khi L hôn thì cháu N có nguyện vọng được ở với chị.

Quan điểm của cháu L trình bày: Anh H, chị có mâu thuẫn nhưng cụ thể mâu thuẫn như thế nào thì cháu không biết, cháu có nguyện vọng ở với bố.

Biên bản xác minh với UBND xã Hồ Tùng Mậu thể hiện: Anh H, chị có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại địa phương vào năm 2009. Sau khi kết hôn anh H, chị chuyển qua xã Cẩm Ninh làm ăn, sinh sống. Vợ chồng anh H, chị có mâu thuẫn gì phát sinh địa phương không nắm được. Vợ chồng anh H, chị có 02 con chung tên Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010 và Trương Khánh N, sinh năm 2015. Anh H, chị có tài sản gì chung, địa phương không nắm được. Việc Định – phó công an xã có liên quan đến hôn nhân của chị , anh H, qua làm việc xác định không có căn cứ liên quan gì đến anh Định.

Biên bản xác minh với UBND xã Cẩm Ninh thể hiện: Anh H, chị có Hộ khẩu thường trú tại xã Hồ Tùng Mậu, hiện nay vợ chồng anh H, chị cùng các con chung đang làm ăn, sinh sống tại thôn La Chàng, xã CẩmNinh. Trong cuộc sống vợ chồng anh H, chị có mâu thuẫn gì phát sinh địa phương không biết. Tại địa phương chị có mở quán cắt tóc, làm đẹp còn anh H làm tự do.

Tại phiên tòa quan điểm của chị : Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho L hôn anh H. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức chị không có yêu cầu.

Tại phiên tòa quan điểm của anh H: Anh H vẫn có quan điểm mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, trường hợp chị vẫn cố tình L hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa quan điểm của cháu L có thay đổi so với quan điểm khi trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể cháu L có nguyện vọng được ở với chị .

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thấy rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, đề nghị xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị được L hôn anh Trương Văn H.

Về con chung: Giao cháu L cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đôi bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc L hôn và con chung giữa chị với anh Trương Văn H. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Trương Văn H có hộ khẩu thường trú tại Thôn Mão Cầu, xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của anh H, chị : Anh H, chị xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2009, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của anh H, chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị có đơn xin L hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của chị , anh H cũng như quan điểm trình bày của đại diện của hai bên gia đình thì thấy rằng thực tế cuộc sống vợ chồng anh H, chị không hoà thuận, hạnh phúc, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có sự khác nhau theo cách trình bày của các bên nhưng qua đó cũng chứng tỏ vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, nhiều bất đồng mà hai bên không thể tìm được giải pháp gì để tháo gỡ, để hàn gắn tình cảm, vợ chồng đã sống L thân nhau trong một khoảng thời gian dài, hai bên không còn tình cảm, không còn sự quan tâm hay trách nhiệm gì với nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng và hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp với pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh H.

Về con chung: Anh H, chị có 02 con chung tên Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010 và Trương Khánh N, sinh năm 2015. Nguyên vọng của anh H, chị đều muốn nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, quan điểm của anh H, chị là hoàn toàn chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với các con chưa thành niên, tuy nhiên việc giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cũng cần phải xem xét đến điều kiện của từng bên. Ở đây thì anh H, chị đều có công việc và có thu nhập nên việc nuôi các con sẽ được đảm bảo, mặc dù tại phiên tòa cháu L, cháu N có quan điểm xin được ở với mẹ, tuy nhiên nếu giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng sẽ tạo gánh nặng cũng như áp lực rất lớn về kinh tế, không đảm bảo được về mọi mặt cho các con chung. Do đó để bảo đảm cuộc sống cũng như sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của các con chung nên giao cho anh H nuôi cháu L đến tuổi thành niên, giao cháu

N cho chị nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là cần thiết. Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H, chị không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị được L hôn anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010 đến tuổi thành niên. Giao cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trương Khánh N, sinh năm 2015 đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Các bên đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự L hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000781 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồ Tùng Mậu;
- THADS;
- ;- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Bá H

